

# Thực trạng bình đẳng giới trong các quyết định về hoạt động cộng đồng ở gia đình dân tộc Dao - Lạng Sơn

Trần Thị Thanh Loan\*

**Tóm tắt:** Vận dụng cách tiếp cận văn hóa, phân bổ nguồn lực tương đối và phương pháp phân tích tương quan hai biến, đa biến, bài viết tìm hiểu thực trạng bình đẳng giới trong các quyết định về hoạt động cộng đồng ở gia đình dân tộc Dao tại Lạng Sơn dựa trên số liệu khảo sát 131 đại diện hộ gia đình ở Lạng Sơn năm 2019 của Đề tài cấp Quốc gia “Một số vấn đề cơ bản về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số nước ta” (CTDT 21.17, 2018-2019) thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020 về “Những vấn đề cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030”. Kết quả phân tích cho thấy, xu hướng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng là xu hướng chủ đạo trong giai đoạn hiện nay. Vai trò người chủ hộ trong gia đình người Dao vẫn có vị trí quan trọng song việc người chồng/người vợ là chủ hộ không có tác động đáng kể đến khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng. Sự chênh lệch về học vấn và thu nhập giữa vợ và chồng không làm tăng hay giảm khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính trong hoạt động này<sup>1</sup>.

**Từ khóa:** Gia đình; Bình đẳng giới; Quyền quyết định; Hoạt động cộng đồng; Dân tộc Dao.

**Ngày nhận bài:** 12/10/2021; ngày chỉnh sửa: 25/10/2021; ngày duyệt đăng: 15/11/2021.

---

\* ThS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

<sup>1</sup> Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Cơ sở “Thực trạng bình đẳng giới trong việc ra quyết định ở gia đình dân tộc Dao tại Lạng Sơn” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì thực hiện năm 2021.

## 1. Mở đầu

Quyền quyết định là một trong những nội dung trọng tâm trong nghiên cứu về bình đẳng giới trong gia đình. Những nỗ lực trong việc thúc đẩy bình đẳng giới của Việt Nam qua các văn bản pháp luật cấp quốc gia sẽ là những yếu tố thúc đẩy quan hệ giới trong gia đình ngày càng bình đẳng hơn. Chính vì vậy, nhiều văn bản pháp luật ra đời nhằm tăng cường vị thế của người phụ nữ và cải thiện bình đẳng giới, có thể kể đến như Luật Đất đai (sửa đổi 2003), Luật Bình đẳng giới (2006), Luật Phòng Chống bạo lực gia đình (2007). Luật Bình đẳng giới (2006) quy định, vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình. Tuy nhiên, mô hình quyền quyết định trong gia đình phổ biến đang tồn tại ở Việt Nam là người vợ quyết định những việc liên quan đến cuộc sống hằng ngày, còn người chồng thường có tiếng nói trong những điều được coi là lớn, hệ trọng (Nguyễn Hữu Minh, 2019).

So với nhóm phụ nữ dân tộc đa số thì phụ nữ dân tộc thiểu số chịu bất bình đẳng kép đến từ góc độ giới và dân tộc. Bởi lẽ, với quan niệm “phép vua thua lệ làng”, các chính sách nhằm nâng cao địa vị người phụ nữ trong gia đình thường khó đến được với phụ nữ vùng sâu, vùng xa (Phạm Ngọc Tiến, 2016). Một nghiên cứu gần đây về vấn đề bình đẳng giới trong lao động gia đình của dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc đã khẳng định có những thay đổi tích cực về quyền ra các quyết định gia đình. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng cho thấy, việc thực hiện bình đẳng giới trong gia đình của đồng bào dân tộc thiểu số còn đứng trước nhiều khó khăn. Nhiều định kiến giới vẫn tồn tại trong việc ra quyết định hay việc kiểm soát nguồn lực (Nguyễn Lệ Thu, 2017). Tiếng nói thấp kém của người phụ nữ là hệ quả của những thiệt thòi đan xen trong một khuôn mẫu xã hội luôn đặt nam giới ở vị trí cao hơn phụ nữ. Trong khi các thể chế phi chính thức như văn hóa, tập quán gia trưởng đã kìm hãm sự phát huy khả năng và quyền lợi của người phụ nữ qua nhiều đời nay (Oxfam, 2010). Vì vậy, xem xét thực trạng bình đẳng giới trong việc ra quyết định giữa phụ nữ và nam giới ở nhóm gia đình dân tộc thiểu số mà đặc biệt là nhóm dân tộc Dao là vô cùng cần thiết.

Người Dao là nhóm dân tộc thiểu số có hình thức tổ chức gia đình phụ hệ phụ quyền, tính chất gia trưởng của nhóm dân tộc này đậm đặc hơn các nhóm dân tộc thiểu số khác. Phụ nữ Dao không được coi trọng bằng đàn ông (Phạm Quỳnh Phương, 2012). Tính chất phụ hệ và thứ bậc thể hiện khá rõ trong quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, trong quan hệ công việc hàng ngày, do đó vị trí của người vợ ít được coi trọng. Người đàn ông vừa là người chủ, vừa đóng

vai trò chủ đạo đối với các công việc của gia đình, kể cả đảm nhiệm các vấn đề khác liên quan đến dòng họ, quan hệ với người bên ngoài (Lý Hành Sơn, 2017; Triệu Mùi Say, 1998; Viện Dân tộc học, 2015) và là người có quyền quyết định đối với công việc đối nội, đối ngoại của gia đình (Đỗ Ngọc Tấn, 2003). Câu hỏi được đặt ra là: Trong bối cảnh hiện nay, việc ra các quyết định trong các công việc cộng đồng ở gia đình dân tộc Dao diễn ra như thế nào? Những yếu tố nào tác động đến khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các công việc cộng đồng? Để trả lời cho các câu hỏi trên, tác giả lựa chọn nhóm dân tộc Dao tại Lạng Sơn để phân tích và tìm hiểu.

## 2. Cách tiếp cận

Các nhà xã hội học phát hiện ra rằng, thay đổi luật pháp không phải lúc nào cũng thay đổi thái độ và hành vi cá nhân (John J. Macionis, 1987). Bởi thái độ và hành vi của cá nhân còn bị chi phối bởi nền văn hóa mà họ sinh sống. Và khi nhìn nhận về sự giao thoa của các nền văn hóa giữa các nhóm dân tộc, tác giả Bé Việt Đăng (1996) đã khẳng định, mặc dù quá trình phát triển kinh tế xã hội đã phần nào hội nhập các nét văn hóa đặc sắc của các dân tộc sống trong cùng một lãnh thổ với nhau nhưng nhiều nghiên cứu dân tộc học cho thấy hầu hết các dân tộc hiện nay đều tồn tại và giữ gìn bản sắc văn hóa, những giá trị, khái niệm phong tục và ngôn ngữ riêng của dân tộc họ (Bé Việt Đăng, 1996). Vì vậy, quyền quyết định thuộc về nam giới hay phụ nữ còn tùy thuộc vào đó là người thuộc cộng đồng dân tộc nào. Do vậy, cách tiếp cận văn hóa đòi hỏi phải quan tâm đến các yếu tố văn hóa khi phân tích một vấn đề cụ thể. Qua cách tiếp cận văn hóa sẽ giúp nhà nghiên cứu soi sáng cách mà các chuẩn mực đó được chấp nhận và duy trì ra sao, trong trường hợp này là khuôn mẫu quyền quyết định trong các công việc cộng đồng ở gia đình dân tộc Dao.

Tuy nhiên, nếu xét quan hệ giới chỉ dưới góc độ văn hóa, nhà nghiên cứu sẽ chỉ đi tìm những chuẩn mực hỗ trợ và tiếp nối nguyên trạng thực tế đang diễn ra. Điều đó đúng, nhưng chưa đủ. Vì vậy, bên cạnh cách tiếp cận văn hóa, bài viết còn sử dụng cách tiếp cận theo lý thuyết phân bổ nguồn lực tương đối. Theo lý thuyết này, quyền quyết định trong gia đình là kết quả từ sự đóng góp của các nguồn lực, đặc biệt là giáo dục, thu nhập và tình trạng nghề nghiệp đến các mối quan hệ. Vợ hoặc chồng người nào có đóng góp nhiều nhất sẽ có quyền ra quyết định lớn hơn (Trần Hạnh Minh Phương, 2017; Phạm Thị Huệ, 2008).

## 3. Nguồn số liệu

Bài viết là kết quả của Đề tài cấp Cơ sở “Thực trạng bình đẳng giới trong việc ra quyết định ở gia đình dân tộc Dao tại Lạng Sơn” do Viện Nghiên

cứu Gia đình và Giới chủ trì thực hiện năm 2021. Đề tài này đã sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu của các cuộc nghiên cứu đã có về việc ra quyết định giữa người vợ và người chồng trong gia đình dân tộc thiểu số có hình thức tổ chức gia đình theo chế độ phụ hệ tại Việt Nam và sử dụng số liệu của Đề tài: “Một số vấn đề cơ bản về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số nước ta” thuộc Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020 về “Những vấn đề cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030” do GS.TS. Nguyễn Hữu Minh làm chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới là đơn vị chủ trì, nhằm phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong việc ra quyết định giữa người chồng và người vợ ở gia đình dân tộc Dao.

Dung lượng mẫu khảo sát là khá lớn với 2894 đại diện hộ gia đình thuộc 8 tỉnh bao gồm Lạng Sơn, Hà Giang, Điện Biên, Thanh Hóa, Thừa Thiên - Huế, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Sóc Trăng, đại diện cho 14 nhóm dân tộc thiểu số khác nhau. Nhằm tìm hiểu thực trạng bình đẳng giới trong các quyết định về hoạt động cộng đồng giữa vợ và chồng ở gia đình dân tộc Dao tại Lạng Sơn, tác giả chỉ lựa chọn 131 trường hợp hộ gia đình có 1 hoặc 2 thế hệ trong tổng số 200 đại diện hộ gia đình người dân tộc Dao để đưa vào phân tích. Các câu trả lời của nam giới có thể được coi là câu trả lời của người chồng và câu trả lời của phụ nữ được coi là câu trả lời của người vợ. Câu hỏi được sử dụng để phân tích là “Trong gia đình ông/bà, phụ nữ hay nam giới là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng?” với các phương án trả lời (1) Nam; (2) Nữ; (3) Cả hai.

Khái niệm “Hoạt động cộng đồng” được hiểu là các công việc liên quan đến hoạt động tập thể: hội hè, ma chay, cưới xin, các hoạt động cải thiện đời sống cộng đồng như dọn vệ sinh thôn, bản, làm đường sá, công ích... Các hoạt động này là tự nguyện, không được trả công. Bên cạnh đó, hoạt động cộng đồng còn là các hoạt động chính trị ở địa phương.

“Bình đẳng giới trong các quyết định về hoạt động cộng đồng” được xem xét trên khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng. Và “Gia đình dân tộc Dao” là gia đình có vợ/chồng là người dân tộc Dao.

#### **4. Việc ra quyết định trong các hoạt động cộng đồng**

##### ***4.1. Thực trạng việc ra quyết định trong các hoạt động cộng đồng ở gia đình dân tộc Dao - Lạng Sơn***

Phân tích dữ liệu cho thấy trong gia đình người Dao, người chồng có tiếng nói quyết định đối với các hoạt động cộng đồng nhiều hơn đáng kể so với người

vợ. 27,8% người chồng trong nghiên cứu này khẳng định, họ là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng. Trong khi đó chỉ có 1,6% người vợ cho biết trong gia đình, họ là người có quyền quyết định các hoạt động cộng đồng. Tỉ lệ chênh lệch giữa hai nhóm khoảng 26 điểm phần trăm.

Như vậy, có thể thấy ở một khía cạnh nào đó, mối quan hệ giới trong gia đình được thể hiện trong nghiên cứu này vẫn còn dáng dấp của chế độ phụ hệ, phụ quyền, biểu hiện ở vị thế thấp hơn hẳn của người vợ. Ở gia đình người vợ chưa được bình đẳng trong việc ra các quyết định về hoạt động cộng đồng và theo chiều hướng đó thì tiếng nói của người đàn ông trong gia đình vẫn được đề cao hơn.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng khẳng định rằng ở gia đình người Dao, xu hướng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng là xu hướng chủ đạo trong giai đoạn hiện nay. Đại đa số (70,6%) người vợ/chồng cho biết trong việc quyết định các hoạt động cộng đồng ở gia đình họ “không ai quyết định một mình” mà chủ yếu do hai vợ chồng cùng quyết.

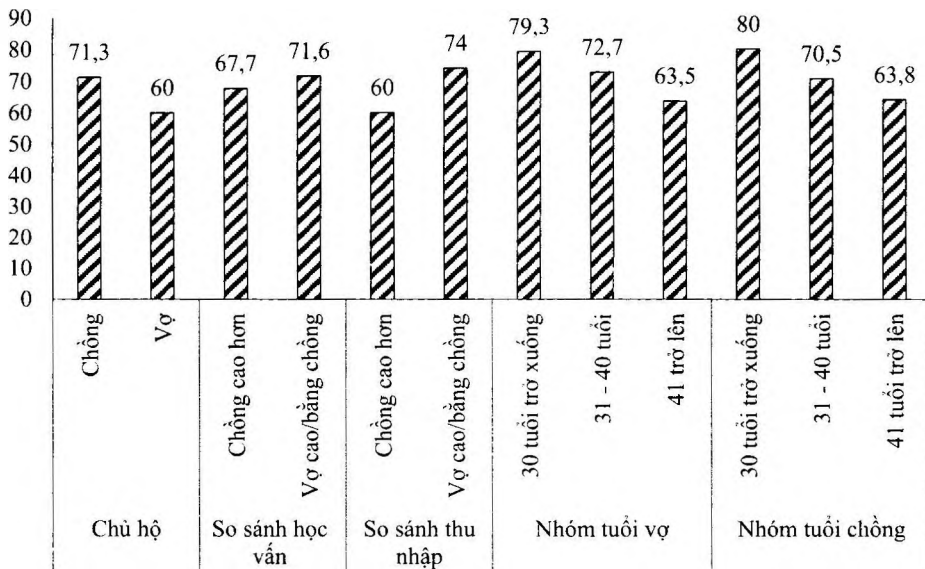
Trước khi tìm hiểu các yếu tố tác động, bài viết muốn phác thảo tóm tắt một số tương quan hai chiều nhằm tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng.

Tuổi của vợ/chồng tỉ lệ nghịch với khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng. Điều này có nghĩa là ở những gia đình trẻ thì khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định trong hoạt động cộng đồng cao hơn so với các nhóm còn lại. Hay có thể nói rằng, xu hướng bình đẳng trong việc quyết định các hoạt động cộng đồng được thể hiện rõ rệt hơn ở nhóm gia đình trẻ (xem Biểu đồ 1).

Khả năng cả hai chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng tăng ở những gia đình mà người vợ có học vấn/thu nhập cao hơn/bằng chồng.

Các kết quả nghiên cứu văn hóa, dân tộc học chỉ ra rằng so với các nhóm dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc thì tính chất phụ hệ, phụ quyền trong gia đình dân tộc Dao đậm nét hơn cả. Nam giới/người chồng là người chủ trong gia đình có tiếng nói quyết định cuối cùng đối với các hoạt động cộng đồng. Tuy nhiên, dữ liệu Biểu đồ 1 lại minh chứng rằng ở những gia đình mà người chồng là chủ hộ thì tỉ lệ cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng cao hơn 11.2 điểm phần trăm so với những gia đình mà người vợ là chủ hộ (xem Biểu đồ 1).

**Biểu đồ 1. Tương quan khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng theo các yếu tố (%)**



Mức ý nghĩa thống kê: \*p<0,05; \*\* p< 0,01; \*\*\* p< 0,001

Nguồn: Số liệu Đề tài cấp Nhà nước “Một số vấn đề cơ bản về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số nước ta” năm 2017-2020.

**4.2. Các yếu tố tác động đến việc cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng**

Kết quả phân tích hai chiều mặc dù thông dụng song chỉ mang tính chất mô tả và chưa loại trừ được ảnh hưởng đồng thời của nhiều yếu tố. Phân tích đa biến cho phép khắc phục nhược điểm này. Vì vậy, để đánh giá rõ hơn sự tác động của các yếu tố đến bình đẳng giới trong việc ra các quyết định về hoạt động cộng đồng, bài viết tập trung phân tích mô hình cả hai vợ chồng cùng quyết định chính, đặc trưng cho xu hướng biến đổi tích cực về bình đẳng giới trong quyền quyết định. Biến phụ thuộc là “Trong gia đình cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng”. Với các phương án trả lời 1 ‘Có’; 0 ‘Không’. Các biến số mang đặc trưng nhân khẩu cá nhân của vợ/chồng và gia đình được đưa vào mô hình một. Mô hình cuối, bên cạnh các biến số độc lập ở mô hình một, biến số văn hóa và các biến số đo lường tính tương đối về nguồn lực giữa vợ và chồng được đưa vào mô hình. Tổng mẫu được phân tích trong mô hình đa biến là 121 trường hợp.

Trong Bảng 1, tác giả đưa ra kết quả của 2 mô hình đa biến logistic. Số liệu báo cáo trong Bảng 1 ứng với các phân loại của mỗi biến số là tỉ số chênh

lệch giữa các đặc trưng đó đến khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng so với tác động của loại đặc trưng dùng để so sánh. Tỉ số cho loại dùng để so sánh luôn luôn nhận giá trị bằng 1. Nếu tỉ số chênh lệch của một loại đặc trưng nào đó lớn hơn 1, điều đó có nghĩa là nhóm vợ chồng mang đặc trưng đó có nhiều khả năng quyết định chính các hoạt động cộng đồng hơn các nhóm vợ chồng mang đặc trưng dùng để so sánh. Ngược lại, nếu tỉ số chênh lệch cho loại mang đặc trưng nào đó nhỏ hơn 1 thì nhóm vợ chồng mang đặc trưng đó có ít khả năng quyết định chính các hoạt động cộng đồng hơn nhóm vợ chồng mang loại đặc trưng dùng để so sánh. Tỉ số chênh lệch của một loại đặc trưng nào đó càng lớn hơn 1 thì tác động của đặc trưng đó đến khả năng quyết định chính các hoạt động cộng đồng của vợ chồng càng lớn hơn so với tác động của loại đặc trưng dùng để so sánh. Các con số có dấu "\*" (dấu sao) chỉ mức độ có ý nghĩa về mặt thống kê của tỷ số chênh lệch (Exp B), với một dấu sao tương ứng với mức ý nghĩa thống kê bằng 0,05 (nghĩa là 95% khả năng quan hệ này là có thật chứ không phải ngẫu nhiên) ba dấu sao chỉ mức ý nghĩa về mặt thống kê là 0,001 (99 phần nghìn khả năng quan hệ này là có thật). Chẳng hạn, tỷ số chênh lệch Exp (B) đối với nhóm gia đình có chồng làm nông nghiệp bằng 6,3 và mức ý nghĩa một sao có nghĩa là nếu nhóm gia đình có chồng làm nông nghiệp và nhóm gia đình có chồng làm phi nông nghiệp ở cùng một địa bàn điều tra và cùng một nhóm dân tộc thì khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng ở nhóm gia đình có chồng làm nông nghiệp cao hơn 6,3 lần so với nhóm gia đình có chồng làm phi nông nghiệp, và 95% khả năng điều này là có thật chứ không phải vì lý do ngẫu nhiên của số liệu. Tỉ số không kèm dấu sao có ý nghĩa là không có bằng chứng để khẳng định rằng tác động của loại đặc trưng đang xét là có ý nghĩa về mặt thống kê. Tỉ số càng kèm nhiều dấu sao thì tác động càng quan trọng. Lưu ý là trong một biến số hạng, chỉ cần một trong các hạng của biến này có dấu sao là cả biến đó được coi là có ý nghĩa về mặt thống kê.

Mô hình một thể hiện sự tác động của các yếu tố mang đặc trưng cá nhân của vợ/chồng đến việc cả hai vợ chồng là người quyết định chính trong hoạt động cộng đồng. Kết quả cho thấy không có bằng chứng thống kê để khẳng định sự tác động của các yếu tố mang đặc trưng cá nhân của người vợ và yếu tố đã từng tham gia tập huấn/buổi tuyên truyền/buổi họp có nội dung liên quan đến bình đẳng giới đến khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng.

Nghề nghiệp của người chồng có tác động nhất định đến khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng. Ở những gia đình

mà người chồng làm nghề nông thì khả năng việc ra các quyết định về hoạt động cộng đồng diễn ra bình đẳng hơn so với những gia đình mà người chồng làm các nghề nghiệp phi nông nghiệp.

Mô hình cuối, bên cạnh các biến số ở mô hình 1, tác giả đã đưa thêm các biến số đặc trưng cho chiều cạnh văn hóa như người làm chủ gia đình, các biến số đo lường tính tương đối về nguồn lực giữa vợ và chồng, biến số người đại diện gia đình tham gia các hoạt động cộng đồng. Kết quả phân tích đa biến sử dụng mô hình logistic (Bảng 1) cho thấy, ở mô hình cuối các biến độc lập giải thích được 33% ( $R^2 = 0,33$ ) sự biến thiên của biến phụ thuộc cao hơn 2 lần so với kết quả ở mô hình 1 (0,15 so với 0,33).

Các kết quả nghiên cứu đã có về quyền quyết định giữa vợ và chồng cho thấy rằng trong các gia đình trẻ việc ra quyết định gia đình có xu hướng bình đẳng hơn. Kết quả Bảng 1 cũng cho thấy tuổi vợ/chồng tỉ lệ nghịch với khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng. Tuy nhiên, sự tác động này không mang ý nghĩa thống kê.

Trong khi đó, yếu tố nghề nghiệp của người chồng một lần nữa khẳng định rằng việc ra quyết định trong các hoạt động cộng đồng ở gia đình chồng làm nông nghiệp bình đẳng hơn so với gia đình chồng làm phi nông nghiệp. Khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng ở gia đình chồng làm nông nghiệp cao gấp 7 lần so với khả năng này ở nhóm gia đình chồng làm phi nông nghiệp. Phải chăng ở những gia đình chồng làm nông nghiệp với sự sẵn có về mặt thời gian nên vợ chồng có nhiều cơ hội cùng bàn bạc và ra quyết định hơn so với gia đình chồng làm phi nông nghiệp.

Yếu tố nhận thức đóng vai trò quan trọng trong việc tạo lập quan hệ bình đẳng giữa vợ và chồng trong gia đình. Kết quả Bảng 1 cũng cho thấy một xu hướng không rõ ràng rằng nếu người vợ/chồng đã từng tham gia các buổi họp, tập huấn... có nội dung liên quan đến bình đẳng giới thì nhiều khả năng việc ra quyết định giữa vợ và chồng trong các hoạt động cộng đồng sẽ bình đẳng hơn so với những gia đình mà chồng/vợ chưa từng tham gia. Mặc dù, không có bằng chứng thống kê để khẳng định sự tác động của việc đã từng tham gia tập huấn/buổi tuyên truyền/buổi họp có nội dung liên quan đến bình đẳng giới có tác động đến khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng. Và cũng chưa đủ cơ sở để khẳng định những hiệu ứng tích cực trong công tác bình đẳng giới mà hoạt động truyền thông đã mang lại nhưng đây là một gợi ý cho các nghiên cứu tiếp theo trong việc lựa chọn các yếu tố tác động đến bình đẳng giới trong việc ra quyết định giữa vợ và chồng trong gia đình.



**Bảng 1. Mô hình hồi quy logistic các yếu tố tác động đến khả năng cả hai vợ chồng quyết định chính hoạt động cộng đồng**

Biến số độc lập		Tỷ số chênh lệch		Số lượng mô hình cuối
		Mô hình 1	Mô hình cuối	
Tuổi người vợ	30 tuổi trở xuống	0,9	1,2	29
	31- 40 tuổi	1,2	1,0	41
	41 tuổi trở lên (Nhóm so sánh)	1	1	51
Tuổi người chồng	30 tuổi trở xuống	1,4	1,2	32
	31- 40 tuổi	1,0	1,0	43
	41 tuổi trở lên (Nhóm so sánh)	1	1	46
Học vấn vợ	Tiểu học trở xuống	0,2	0,2	96
	Trung học cơ sở trở lên (Nhóm so sánh)	1	1	25
Học vấn chồng	Tiểu học trở xuống	1,2	1,2	77
	Trung học cơ sở trở lên (Nhóm so sánh)	1	1	44
Nghề nghiệp vợ	Nông nghiệp	0,5	0,4	110
	Phi nông nghiệp (Nhóm so sánh)	1	1	11
Nghề nghiệp chồng	Nông nghiệp	6,3*	7,0*	107
	Phi nông nghiệp (Nhóm so sánh)	1	1	14
Tham gia tập huấn về bình đẳng giới	Chưa từng	0,6	0,6	64
	Đã từng (Nhóm so sánh)	1	1	57
So sánh thu nhập của vợ và chồng	Vợ hơn/bằng chồng		1,2	93
	Chồng cao hơn (Nhóm so sánh)		1	28
So sánh học vấn vợ và chồng	Chồng cao hơn		1,2	28
	Vợ hơn/bằng chồng (Nhóm so sánh)		1	93
Chủ hộ	Chồng		2,6	111
	Vợ (Nhóm so sánh)		1	10
Người đại diện gia đình tham gia các hoạt động cộng đồng	Chồng		0,1**	78
	Vợ/cả hai vợ chồng (Nhóm so sánh)		1	43
<b>R</b>		<b>0,15</b>	<b>0,33</b>	
<b>Tổng mẫu</b>		<b>121</b>	<b>121</b>	

Mức ý nghĩa thống kê: \* $p < 0,05$ ; \*\*  $p < 0,01$ ; \*\*\*  $p < 0,001$

Nguồn: Số liệu Đề tài cấp Nhà nước “Một số vấn đề cơ bản về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số nước ta” năm 2017-2020.

Nghiên cứu về “Thực trạng và nhận thức về bình đẳng giới của phụ nữ một xã miền núi” của tác giả Đặng Thanh Trúc và Nguyễn Phương Thảo nhận định yếu tố trình độ văn hóa có ảnh hưởng nhất định đến việc ra quyết định trong gia

đình (Đặng Thanh Trúc, Nguyễn Phương Thảo, 2001). Tuy nhiên, kết quả phân tích trong bài viết này lại cho thấy các yếu tố biến số đo lường tính tương đối về nguồn lực giữa vợ và chồng, sự khác biệt về học vấn, thu nhập không làm tăng hay giảm đáng kể khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng.

Trong văn hóa dân tộc Dao, tính chất thứ bậc được thể hiện rõ trong quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Người đàn ông thường giữ vai trò chủ hộ và có tiếng nói quyết định đối với các công việc trong gia đình. Vì vậy, trong bài viết này tác giả đưa yếu tố chủ hộ gia đình vào mô hình với mục đích tìm hiểu ảnh hưởng của văn hóa đến khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng. Nhưng dữ liệu của nghiên cứu không giúp giải thích việc người vợ/chồng là chủ hộ có tác động đến khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính trong hoạt động này.

Sự tham gia sinh hoạt cộng đồng của người vợ và người chồng cũng là những yếu tố có ảnh hưởng đến khả năng ai là người ra các quyết định chính về hoạt động cộng đồng. Kết quả đa biến cho thấy, khả năng cả hai vợ chồng cùng quyết định các hoạt động cộng đồng tăng khi người vợ/cả hai vợ chồng là người đại diện gia đình tham gia các hoạt động cộng đồng. Nếu người chồng là người đại diện gia đình tham gia các hoạt động cộng đồng thì khả năng cả hai vợ chồng là người ra các quyết định về hoạt động cộng đồng giảm 0,9 lần so với nhóm so sánh (xem Bảng 1).

## 5. Kết luận

Nhìn chung, việc ra các quyết định về hoạt động cộng đồng ở gia đình dân tộc Dao tại Lạng Sơn, một mặt tiếp tục khẳng định người chồng là người có tiếng nói quyết định hơn so với người vợ trong việc ra các quyết định về hoạt động cộng đồng; mặt khác, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng xu hướng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng. Như vậy, ở gia đình người Dao việc ra các quyết định giữa vợ và chồng trong hoạt động cộng đồng diễn ra theo chiều hướng bình đẳng. Đây cũng là xu hướng phổ biến và tất yếu ở các gia đình Việt Nam nói chung.

Những gia đình có một trong các đặc trưng như người chồng làm nông nghiệp, vợ/cả hai vợ chồng là người đại diện gia đình tham gia các hoạt động cộng đồng thì nhiều khả năng việc ra các quyết định về hoạt động cộng đồng diễn ra bình đẳng hơn các nhóm gia đình không mang các đặc trưng này. Như vậy, sự sẵn có về mặt thời gian của người chồng làm nông nghiệp cũng như việc người vợ có nhiều cơ hội đại diện hộ gia đình tham gia các hoạt động

cộng đồng hay cả hai vợ chồng cùng tham gia các hoạt động cộng đồng sẽ là những yếu tố làm tăng khả năng cả hai vợ là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng.

Về tác động của yếu tố văn hóa, vai trò người chủ hộ trong gia đình người Dao vẫn có vị trí quan trọng song việc người chồng/người vợ là chủ hộ không có tác động đáng kể đến khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng.

Những khác biệt tương đối về học vấn, thu nhập giữa vợ và chồng hầu như không tạo được sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê đến khả năng cả hai vợ chồng là người quyết định chính các hoạt động cộng đồng.

### Tài liệu trích dẫn

- Bế Việt Đăng. 1996. *Các dân tộc thiểu số trong sự phát triển kinh tế xã hội miền núi*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Đặng Thanh Trúc, Nguyễn Phương Thảo. 2001. “Thực trạng và nhận thức về bình đẳng giới của phụ nữ một xã miền núi”. *Tạp chí Khoa học phụ nữ*, số 3, tr. 26-33.
- Đỗ Ngọc Tấn. 2003. *Nghiên cứu một số đặc điểm hôn nhân và gia đình các dân tộc H'Mông và Dao ở hai tỉnh Lai Châu và Cao Bằng*. Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ do Viện Khoa học Dân số, Gia đình và Trẻ em (Chủ trì).
- John J. Macionis. 1987. *Xã hội học*. Nxb. Thống kê, Hà Nội.
- Lý Hành Sơn. 2017. “Gia đình và dòng họ người Dao hiện nay những biến đổi và vấn đề đặt ra”. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, số 18.
- Nguyễn Hữu Minh. 2019. “Các yếu tố ảnh hưởng đến quyền quyết định của vợ và chồng đối với các công việc quan trọng của gia đình: Những phát hiện mới từ Điều tra Gia đình 2017”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 1, tr. 3-17.
- Nguyễn Lệ Thu. 2017. *Bình đẳng giới trong lao động gia đình dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay*. Luận án Tiến sĩ Triết học. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- Oxfam. 2010. *Báo cáo Hiện trạng bất bình đẳng giới trong cộng đồng người dân tộc thiểu số*. <https://www.isee.org.vn/an-pham/c8zk30ydi7y5ngxc99maqtpg3817r6-w7xct-6xpdm>.
- Phạm Ngọc Tiên. 2016. “Một số vấn đề bình đẳng giới và các chương trình giải quyết bất bình đẳng giới ở khu vực miền núi vùng sâu, vùng xa”. Trong cuốn “*Các chiều cạnh giới của sự tách biệt xã hội hướng tới chính sách toàn diện hơn đối với phụ nữ*”, Võ Khánh Vinh và Nguyễn Hữu Minh (đồng chủ biên). Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 98-106.

- Phạm Quỳnh Phương. 2012. *Giới, tăng quyền và phát triển - Quan hệ giới từ góc nhìn của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- Phạm Thị Huệ. 2008. “Quyền lực vợ chồng trong gia đình nông thôn Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp Yên Bái, Tiền Giang và Thừa Thiên Huế”. Trong cuốn *Gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi*, Trịnh Duy Luân (chủ biên). Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 369-398.
- Trần Hạnh Minh Phương. 2017. “Việc ra quyết định các vấn đề của gia đình ở Đồng bằng sông Cửu Long trong mối quan hệ giới”. Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, tập 15, phần D, tr. 96-107.
- Triệu Mùi Say. 1998. “Vai trò người phụ nữ Dao trong sự phát triển”. Bài viết in trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “*Sự phát triển văn hóa xã hội của người Dao: Hiện tại và tương lai*” do Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia và các cơ quan khác tổ chức tại thành phố Thái Nguyên năm 1995. Nxb. Công ty in Công đoàn Việt Nam.
- Viện Dân tộc học. 2015. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.